

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

Bản án số: 23/2026/HSST
Ngày: 03-02-2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tổng Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Văn Giản

Bà Trịnh Thị Kim Cúc

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Kiên – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2026/TLST-HS ngày 21-01-2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXXST-HS ngày 21-01-2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Hồng S, sinh ngày 01-5-2003; giới tính: Nam; căn cước công dân số 036203013934; nơi sinh: tỉnh Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình); nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Số A đường P, phường T, tỉnh Ninh Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Trần Hồng Q, sinh năm 1973 và chị Trần Thị H, sinh năm 1978; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ dân phố số A, phường H, tỉnh Ninh Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980, trú tại tổ dân phố số A, phường H, tỉnh Ninh Bình và Trần Hồng S là công nhân làm việc tại bộ phận may công nghệ cao Công ty M, khu công nghiệp H, phường T, tỉnh Ninh Bình. Nhiều lần S đã giúp chị T cài đặt ứng dụng trên điện thoại di động nên biết mật khẩu mở máy điện thoại di động của chị T.

Khoảng 08 giờ 15 phút ngày 28-10-2025 chị T nhờ S sạc hộ pin điện thoại di động Iphone 7. Do đang nợ tiền chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1997, trú tại thôn A, xã S, tỉnh Tuyên Quang nên S nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong ứng dụng tài khoản ngân hàng của chị T. S nhập mật khẩu mở màn hình điện thoại, thấy ứng dụng tài khoản ngân hàng V vẫn đang ở trạng thái đăng nhập, số tiền trong tài khoản là 17.711.415 đồng. Để ứng dụng ngân hàng không bị thoát ra, S không khoá màn hình và cứ khoảng 03 phút thì S lại dùng tay chạm vào màn hình điện thoại một lần. Đến khoảng 08 giờ 45 phút cùng ngày, quan sát thấy không có ai, S đặt điện thoại của chị T trên mặt bàn làm việc, lấy chiếc mũ vải màu đen (là sản phẩm của công ty) che lại rồi thao tác chuyển tiền từ số tài khoản 106872946820 Ngân hàng thương mại cổ phần C của chị T đến số tài khoản 19050727702014 Ngân hàng thương mại cổ phần K của chị P. Do biết quy định của ngân hàng nếu thực hiện chuyển tiền từ 5.000.000 đồng trở lên sẽ phải nhận diện khuôn mặt nên S chuyển làm nhiều lần. S đã thao tác chuyển 03 lần liên tiếp, mỗi lần 5.000.000 đồng, lần thứ tư do số tiền trong tài khoản của chị T còn 2.711.415 đồng nên S chỉ chuyển được 2.661.415 đồng, còn lại 50.000 đồng là tiền duy trì hoạt động của tài khoản nên không chuyển được. Sau khi chuyển tiền xong, S thoát ứng dụng ngân hàng, tắt màn hình điện thoại, cắm sạc điện thoại để trả cho chị T. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, chị T kiểm tra điện thoại, phát hiện tài khoản ngân hàng của mình bị trừ hết tiền nên đã trình báo cơ quan công an.

Về bồi thường dân sự: Trần Hồng S đã tự nguyện bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 17.661.415 đồng, chị T đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu gì khác.

Tại cơ quan điều tra, Trần Hồng S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 77/CT-VKS-KV7 ngày 19-01-2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình truy tố Trần Hồng S về tội “Sử dụng phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 290 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa: Bị cáo Trần Hồng S khai nhận hành vi truy cập bất hợp pháp vào tài khoản cá nhân của chị Nguyễn Thị Thanh N chiếm đoạt tiền của chị T như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 290, điểm b, i, s

khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) tuyên bố bị cáo Trần Hồng S phạm tội “Sử dụng phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”; xử phạt bị cáo Trần Hồng S từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của bị cáo và bị hại trong vụ án. Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Hồng S không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ lời khai của bị cáo Trần Hồng S, lời khai của bị hại cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Khoảng 08 giờ 45 phút ngày 28-10-2025, Trần Hồng S đã có hành vi sử dụng điện thoại di động Iphone 7 của chị Nguyễn Thị T để truy cập bất hợp pháp vào tài khoản 106872946820 Ngân hàng thương mại cổ phần C của chị Nguyễn Thị Thanh N chiếm đoạt số tiền 17.661.415 đồng (Mười bảy triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm mười lăm đồng). Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của bị hại nhằm chiếm đoạt tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 17.661.415 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm an toàn hoạt động của phương tiện điện tử, đồng thời xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Sử dụng phương tiện điện tử thực hiện

hành vi chiếm đoạt tài sản”; tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 290 Bộ luật Hình sự.

Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình là có căn cứ.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có thời gian tham gia trong quân đội. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng trước khi phạm tội bị cáo Trần Hồng S có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự do đó, căn cứ quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

- Hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo Trần Hồng S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 290, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Hồng S phạm tội “Sử dụng phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Trần Hồng S 09 tháng (Chín tháng) tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 06 tháng (Một năm sáu tháng) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 03-02-2026.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trần Hồng S cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trần Hồng S phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Hồng S phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Hồng S có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là chị Nguyễn Thị T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 – Ninh Bình;
- UBND phường Thành Nam;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án + VP.